

PHỤ LỤC 2

BẢNG QUY ĐỊNH TRẢ TIỀN BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ NGƯỜI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2012/TT-BTC ngày 12 tháng 9 năm 2012
của Bộ Tài chính)

STT	Mức độ thiệt hại		
I. CÁC TRƯỜNG HỢP SAU ĐƯỢC GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG 70 TRIỆU ĐỒNG			
01	Chết		
02	Mù hoặc mất hoàn toàn hai mắt		
03	Rối loạn tâm thần hoàn toàn không thể chữa được		
04	Hông hoàn toàn chức năng nhai và nói, hô hấp		
05	Mất hoặc liệt hoàn toàn hai tay (từ vai hoặc khuỷu xuống) hoặc hai chân (từ háng hoặc đầu gối xuống)		
06	Mất cả hai bàn tay hoặc hai bàn chân, hoặc mất một cánh tay và 1 bàn chân, hoặc một cánh tay và một cẳng chân, hoặc một bàn tay và một cẳng chân.		
07	Mất hoàn toàn khả năng lao động và làm việc (toàn bộ bị tê liệt, bị thương dẫn đến tình trạng nằm liệt giường hoặc dẫn đến tàn tật toàn bộ vĩnh viễn)		
08	Cắt toàn bộ một bên phổi và một phần phổi bên kia		
II- CÁC TRƯỜNG HỢP THƯƠNG TẬT BỘ PHẬN			
		Số tiền bồi thường (triệu đồng)	
		Từ	đến
A. CHI TRÊN			
09	Mất một cánh tay từ vai xuống (tháo khớp vai)	53	60
10	Cắt cụt cánh tay từ dưới vai xuống	49	56
11	Cắt cụt một cánh tay từ khuỷu xuống (tháo khớp khuỷu)	46	53
12	Mất trọn một bàn tay hoặc cả năm ngón tay	42	49
13	Mất đồng thời cả 4 ngón tay (trừ ngón cái) trên một bàn tay	28	35
14	Mất đồng thời ngón cái và ngón trỏ	25	32
15	Mất 3 ngón tay : Ngón trỏ, ngón giữa và ngón đeo nhẫn	21	25

16	Mất 1 ngón cái và 2 ngón khác	25	28
17	Mất 1 ngón cái và 1 ngón khác	21	25
18	Mất 1 ngón trỏ và 2 ngón khác	25	28
19	Mất 1 ngón trỏ và 1 ngón giữa	21	25
20	Mất trọn một ngón cái và đốt bàn	18	21
	Mất một ngón cái	14	18
	Mất cả đốt ngoài	7	11
	Mất 1/2 đốt ngoài	5	7
21	Mất một ngón trỏ và một đốt bàn	14	18
	Mất một ngón trỏ	13	15
	Mất 2 đốt 2 và 3	7	8
	Mất đốt 3	6	7
22	Mất trọn một ngón giữa hoặc ngón đeo nhẫn (cả một đốt bàn)	13	15
	Mất một ngón giữa hoặc một ngón nhẫn	11	13
	Mất 2 đốt 2 và 3	6	8
	Mất đốt 3	3	5
23	Mất hoàn toàn một ngón út và đốt bàn	11	14
	Mất cả ngón út	7	11
	Mất 2 đốt 2 và 3	6	7
	Mất đốt 3	3	5
24	Cứng khớp bả vai	18	25
25	Cứng khớp khuỷu tay	18	25
26	Cứng khớp cổ tay	18	25
27	Gãy tay can lệch hoặc mất xương làm chi ngắn trên 3 cm và chức năng quay sấp ngửa hạn chế hoặc tạo thành khớp giả	18	25
28	Gãy xương cánh tay ở cổ giải phẫu, can xấu, hạn chế cử động khớp vai	25	32
29	Gãy xương cánh tay		
	- Can tốt, cử động bình thường	11	18
	- Can xấu, teo cơ	18	21
30	Gãy 2 xương cẳng tay	8	18
31	Gãy 1 xương quay hoặc trụ	7	14
32	Khớp giả 2 xương	18	25
33	Khớp giả 1 xương	11	14

34	Gãy đầu dưới xương quay	7	13
35	Gãy mỏm trâm quay hoặc trụ	6	11
36	Gãy xương cổ tay	7	13
37	Gãy xương đốt bàn (tuỳ mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	6	11
38	Gãy xương đòn:		
	- Can tốt	6	8
	- Can gỗ, cứng vai	13	18
	- Có chèn ép thần kinh mũ	21	25
39	Gãy xương bả vai:		
	- Gãy vỡ, khuyết phần thân xương	7	11
	- Gãy vỡ ngành ngang	12	15
	- Gãy vỡ phần khớp vai	21	28
40	Gãy xương ngón tay (tuỳ mức độ từ 1 đến nhiều ngón)	2	8
	B. CHI DƯỚI		
41	Mất 1 chân từ háng xuống (tháo khớp háng 1 đùi)	53	60
42	Cắt cụt 1 đùi : - 1/3 trên	49	56
	- 1/3 giữa hoặc dưới	39	53
43	Cắt cụt 1 chân từ gối xuống (tháo khớp gối)	42	49
44	Tháo khớp cổ chân hoặc mất 1 bàn chân	39	46
45	Mất xương sên	25	28
46	Mất xương gót	25	32
47	Mất đoạn xương chày, mác gây khớp giả cẳng chân	25	32
48	Mất đoạn xương mác	14	21
49	Mất mắt cá chân: - Mắt cá ngoài	7	11
	- Mắt cá trong	11	14
50	Mất cả 5 ngón chân	32	39
51	Mất 4 ngón cả ngón cái	27	34
52	Mất 4 ngón trừ ngón cái	25	32
53	Mất 3 ngón, 3-4-5	18	21
54	Mất 3 ngón, 1-2-3	21	25
55	Mất 1 ngón cái và ngón 2	14	18
56	Mất 1 ngón cái	11	14
57	Mất 1 ngón ngoài ngón cái	7	11
58	Mất 1 đốt ngón cái	6	8

59	Cứng khớp háng	32	39
60	Cứng khớp gối	21	28
61	Mất phần lớn xương bánh chè và giới hạn nhiều khả năng duỗi cẳng chân trên đùi	32	39
62	Gãy chân can lệch hoặc mất xương làm ngắn chi		
	- ít nhất 5 cm	28	32
	- từ 3 – 5 cm	25	28
63	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo ngoài	25	32
64	Liệt hoàn toàn dây thần kinh hông khoeo trong	18	25
65	Gãy xương đùi 1/3 giữa hoặc dưới (Trường hợp phải mổ được thanh toán mức tối đa)		
	- Can tốt	14	21
	- Can xấu, trục lệch, chân dạng hoặc khép, teo cơ	21	28
66	Gãy 1/3 trên hay cổ xương đùi (Trường hợp mổ được thanh toán tối đa)		
	- Can tốt, trục thẳng	18	25
	- Can xấu, chân vẹo, đi đau, teo cơ	25	32
67	Khớp giả cổ xương đùi	32	39
68	Gãy 2 xương cẳng chân (chày + mác)	14	21
69	Gãy xương chày	11	15
70	Gãy đoạn mâm chày	11	18
71	Gãy xương mác	7	14
72	Đứt gân bánh chè	11	18
73	Vỡ xương bánh chè (trường hợp phải mổ thanh toán tối đa)	7	14
74	Vỡ xương bánh chè bị cứng khớp gối hoặc teo cả tứ đầu (tùy theo mức độ)	18	21
75	Đứt gân Achille (đã nối lại)	11	14
76	Gãy xương đốt bàn (tùy theo mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	5	8
77	Vỡ xương gót	11	18
78	Gãy xương thuyền	11	15
79	Gãy xương ngón chân (tùy mức độ từ 1 đến nhiều đốt)	3	8
80	Gãy ngành ngang xương mu	18	22
81	Gãy ụ ngồi	18	21
82	Gãy xương cánh chậu 1 bên	14	21

83	Gãy xương chậu 2 bên, méo xương chậu (tuỳ mức độ ảnh hưởng đến sinh đẻ)	28	42
84	Gãy xương cùng: - Không rối loạn cơ tròn	7	11
	- Có rối loạn cơ tròn.	18	25
C. CỘT SỐNG			
85	Cắt bỏ cung sau : - Cửa 1 đốt sống	25	28
	- Cửa 2 – 3 đốt sống trở lên	32	42
86	Gãy xẹp thân 1 đốt sống (không liệt tuỷ)	21	28
87	Gãy xẹp thân 2 đốt sống trở lên (không liệt tuỷ)	32	42
88	Gãy vỡ mỏm gai hoặc mỏm bên :		
	- Cửa 1 đốt sống	7	12
	- Cửa 2 – 3 đốt sống	18	32
D. SỌ NÃO			
89	Khuyết xương sọ (chưa có biểu hiện thần kinh, tâm thần)		
	- Đường kính dưới 6 cm	18	28
	- Đường kính từ 6 – 10 cm	28	42
	- Đường kính trên 10 cm	35	49
90	Rối loạn ngôn ngữ do ảnh hưởng của vết thương đại não		
	- Nói ngọng, Nói lắp khó khăn ảnh hưởng đến giao tiếp	21	28
	- Không nói được (câm) do tổn hại vùng Broca	42	49
	- Mất khả năng giao dịch bằng chữ viết (mất nhận biết về ngôn ngữ do tổn hại vùng Wernicke)	39	49
91	Lột da đầu toàn bộ (1 phần theo tỉ lệ)	32	39
92	Vết thương sọ não hở:		
	- Xương bị nứt rạn	28	35
	- Lún xương sọ	21	28
	- Nhiều mảnh xương đi sâu vào não	35	42
93	Chấn thương sọ não kín		
	- Vỡ vòm sọ (đường rạn nứt thường, lõm hoặc lún xương)	14	21
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ không có liệt dây thần kinh ở nền sọ	21	28
	- Vỡ xương lan xuống nền sọ, liệt dây thần kinh ở nền sọ	28	35
94	Chấn thương não		

	- Chấn động não	6	11
	- Phù não	28	35
	- Giập não, dẹp não	35	42
	- Chảy máu khoang dưới nhện	28	35
	- Máu tụ trong sọ (ngoài màng cứng, trong màng cứng, trong não)	21	28
	E. LÔNG NGỰC		
95	Cắt bỏ 1-2 xương sườn	11	14
96	Cắt bỏ từ 3 xương sườn trở lên	18	25
97	Cắt bỏ đoạn mỗi xương sườn	6	7
98	Gãy 1 – 2 xương sườn	5	8
99	Gãy 3 xương sườn trở lên	11	18
100	Gãy xương ức đơn thuần (chức năng phân tim và hô hấp bình thường)	11	14
101	Mé hoặc rạn xương ức	7	11
102	Cắt toàn bộ một bên phổi	49	56
103	Cắt nhiều thùy phổi ở 2 bên , DTS giảm trên 50%	46	53
104	Cắt nhiều thùy phổi ở 1 bên	35	42
105	Cắt 1 thùy phổi	25	32
106	Tràn dịch, khí, máu màng phổi (chi chọc hút đơn thuần)	3	7
107	Tràn khí, máu màng phổi (phải dẫn lưu mô cảm máu)	14	21
108	Tổn thương các van tim, vách tim do chấn thương (chưa suy tim)	35	42
109	Khâu màng ngoài tim:		
	- Phẫu thuật kết quả hạn chế	42	49
	- Phẫu thuật kết quả tốt	25	32
	G. BỤNG		
110	Cắt toàn bộ dạ dày	53	60
111	Cắt đoạn dạ dày	35	42
112	Cắt gần hết ruột non (còn lại dưới 1 m)	53	60
113	Cắt đoạn ruột non	28	35
114	Cắt toàn bộ đại tràng	53	60
115	Cắt đoạn đại tràng	35	42

116	Cắt bỏ gan phải đơn thuần	49	56
117	Cắt bỏ gan trái đơn thuần	42	49
118	Cắt phân thủy gan, tùy vị trí, số lượng và kết quả phẫu thuật	28	42
119	Cắt bỏ túi mật	32	39
120	Cắt bỏ lá lách	28	35
121	Cắt bỏ đuôi tụy, lách	42	49
122	Khâu lỗ thủng dạ dày	18	25
123	Khâu lỗ thủng ruột non (tùy theo mức độ 1 lỗ hay nhiều lỗ thủng)	21	32
124	Khâu lỗ thủng đại tràng	21	28
125	Đụng rập gan, khâu gan	25	32
126	Khâu vỏ lá lách	18	25
127	Khâu tụy	21	25
	H. CƠ QUAN TIẾT NIỆU, SINH DỤC		
128	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bình thường	35	42
129	Cắt bỏ 1 thận, thận còn lại bị tổn thương hoặc bệnh lý	49	56
130	Cắt 1 phần thận trái hoặc phải	21	28
131	Chấn thương thận (tùy theo mức độ và 1 hoặc 2 bên)		
	- Nhẹ (không phải xử lý đặc hiệu, theo dõi dưới 5 ngày)	3	6
	- Trung bình (phải dùng thuốc đặc trị, theo dõi trên 5 ngày)	7	11
	- Nặng (có đụng rập, phải can thiệp ngoại khoa)	33	39
132	Cắt 1 phần bàng quang	19	25
133	Mổ thông bàng quang vĩnh viễn	49	56
134	Khâu lỗ thủng bàng quang	21	25
135	Mất dương vật và 2 tinh hoàn ở người		
	- Dưới 55 tuổi chưa có con	49	56
	- Dưới 55 tuổi có con rồi	39	46
	- Trên 55 tuổi	25	28
136	Cắt bỏ dạ con và buồng trứng 1 bên ở người		
	- Dưới 45 tuổi chưa có con	42	49
	- Dưới 45 tuổi có con rồi	21	28
	- Trên 45 tuổi	18	21
137	Cắt vú ở nữ dưới 45 tuổi: 1 bên	14	21

	2 bên	32	39
	trên 45 tuổi: 1 bên	11	14
	2 bên	21	28
	I. MẮT		
138	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt		
	- Không lắp được mắt giả	39	46
	- Lắp được mắt giả	35	42
139	Một mắt thị lực còn đến 1/10	21	32
140	Một mắt thị lực còn từ 2/10 đến 4/10	8	14
141	Một mắt thị lực còn từ 5/10 đến 7/10	5	11
142	Mất hoặc mù hoàn toàn 1 mắt nhưng trước khi xảy ra tai nạn đã mất hoặc mù một mắt	56	63
	K. TAI – MŨI - HỌNG		
143	Điếc 2 tai :		
	- Hoàn toàn không phục hồi được	53	60
	- Nặng (Nói to hoặc thét vào tai còn nghe)	42	49
	- Vừa (Nói to 1-2 m còn nghe)	25	32
	- Nhẹ (Nói to 2 – 4 m còn nghe)	11	18
144	Điếc 1 tai: Hoàn toàn không phục hồi được	21	28
	Vừa	11	14
	Nhẹ	6	11
145	Mất vành tai 2 bên	14	28
146	Mất vành tai 1 bên	7	18
147	Sẹo rúm vành tai, chít hẹp ống tai	14	18
148	Mất mũi, biến dạng mũi	13	28
149	Vết thương họng sẹo hẹp ảnh hưởng đến nuốt	14	28
	L. RĂNG – HÀM – MẶT		
150	Mất 1 phần xương hàm trên và 1 phần xương hàm dưới từ cạnh cao trở xuống:		
	- Khác bên	56	63
	- Cùng bên	49	56

151	Mất toàn bộ xương hàm trên hoặc dưới	49	56
152	Mất 1 phần xương hàm trên hoặc 1 phần xương hàm dưới (từ 1/3 đến 1/2 bị mất) từ cạnh cao trở xuống	25	32
153	Gãy xương hàm trên và hàm dưới can xấu gây sai khớp cắn nhai, ăn khó	21	25
154	Gãy xương gò má, cung tiếp xương hàm trên hoặc xương hàm dưới gây rối loạn nhẹ khớp cắn và chức năng nhai.	11	18
155	Khớp hàm giả do không liền xương hay khuyết xương	14	18
156	Mất răng: Trên 8 cái không lắp được răng giả	21	28
	Từ 5 – 7 răng	11	18
	Từ 3 – 4 răng	6	8
	Từ 1 – 2 răng	2	4
157	Mất 3/4 lưỡi còn gốc lưỡi (từ đường gai V trở ra)	53	60
158	Mất 2/3 lưỡi từ đầu lưỡi	35	42
159	Mất 1/3 lưỡi ảnh hưởng đến phát âm	11	18
160	Mất 1 phần nhỏ lưỡi (dưới 1/3) ảnh hưởng đến phát âm	7	11
	M. VẾT THƯƠNG PHẦN MỀM, BÔNG		
161	Vết thương phần mềm (VTPM) bao gồm rách da, rách niêm mạc, bong gân, sai khớp .. không ảnh hưởng tới cơ năng (tuỳ theo mức độ nặng, nhẹ, nhiều, ít)	1	8
162	VTPM gây đau, rát, tê, co kéo (tuỳ mức độ rộng hẹp, nhiều ít), ảnh hưởng đến gân, cơ, mạch máu lớn, thần kinh	8	18
163	VTPM ở ngực, bụng ảnh hưởng đến hô hấp	25	32
164	VTPM để lại sẹo xơ cứng làm biến dạng mặt gây trở ngại đến ăn, nhai và cử động cổ	28	42
165	VTPM khuyết hồng lớn ở chung quanh hốc miệng, vết thương môi và má ảnh hưởng nhiều đến ăn uống.	35	42
166	Mất 1 phần hàm ếch làm thông giữa mũi và miệng	14	21
167	Bông nông (độ I, độ II)		
	- Diện tích dưới 5%	2	5
	- Diện tích từ 5 –15%	7	11
	- Diện tích trên 15%	11	18
168	Bông sâu (độ III, độ IV, độ V)		

- Diện tích dưới 5%	14	25
- Diện tích từ 5-15%	25	42
- Diện tích trên 15%	42	56

Những trường hợp đặc biệt:

- 1 *Trường hợp bị dính các khớp ngón tay (trừ ngón cái và ngón trỏ) và các khớp ngón chân (trừ ngón cái) thì số tiền bồi thường chỉ bằng 50% số tiền bồi thường quy định trong trường hợp cụt ngón đó.*
- 2 *Trường hợp mất hẳn chức năng của từng bộ phận hoặc hông vĩnh viễn chỉ được coi như mất bộ phận đó hoặc mất chi.*
- 3 *Trường hợp trước khi xảy ra tai nạn, người bị tai nạn chỉ còn một mắt và nay mất nốt mắt lành còn lại thì được coi như mất hoàn toàn hai mắt.*
- 4 *Trường hợp người bị tai nạn bị nhiều hơn một loại thương tật thì số tiền bồi thường sẽ là tổng số tiền bồi thường cho từng loại thương tật. Tổng số tiền bồi thường sẽ không vượt quá mức trách nhiệm bắt buộc.*
- 5 *Những trường hợp thương tật không được liệt kê trong Bảng quy định trả tiền bảo hiểm thiệt hại về người sẽ được bồi thường theo tỷ lệ trên cơ sở so sánh tính nghiêm trọng của nó với những trường hợp khác có trong Bảng hoặc được căn cứ vào kết luận của Hội đồng giám định y khoa.*
- 6 *Nạn nhân bị chết nhưng không xác định được tung tích hoặc không có người thừa kế hợp pháp thì số tiền bồi thường căn cứ chi phí thực tế cần thiết để mai táng và phục vụ cho việc lưu trữ tìm tung tích nạn nhân. Tổng số tiền bồi thường không vượt quá mức bồi thường thiệt hại về người theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.*